

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 4 - 2025

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐẤT, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà

Bà Dương Thị Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Đất, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Minh T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Tổ C ô C, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2024, bản tự khai, biên bản hoà giải nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Võ Minh T chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L (Nay là huyện L) năm 2010, theo giấy chứng nhận kết hôn số 288/2011, quyển số 01/2011 ngày 01/9/2011. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc.

Sau khi kết hôn thì bà N và ông T cùng nhau sống tại địa chỉ: Tổ C ô C, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà N và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà N trình bày là do ông T thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến cuộc sống chung. Ông bà bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, tình trạng trên kéo dài khiến cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, hôn nhân của ông bà không hạnh phúc.

Bà N và ông T đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, không còn liên hệ gì với nhau về tình cảm.

Nhận thấy giữa bà N và ông T không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên bà N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Đất giải quyết cho bà N được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Lê Thị N và ông Võ Minh T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Minh T:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Đất đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T biết. Trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị N, Tòa án đã triệu tập ông Võ Minh T đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị N. Về con chung: Không có; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị N yêu cầu ly hôn với ông Võ Minh T, bị đơn đang cư trú tại huyện L, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Đất theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Võ Minh T sống chung với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L (Nay là huyện L) năm 2010, theo giấy chứng nhận kết hôn số 288/2011, quyền số 01/2011 ngày 01/9/2011, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà N thì trong quá trình chung sống, giữa ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi do hai bên bất đồng quan điểm sống về mọi mặt trong cuộc sống, có lối sống chung không phù hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc. Ông bà đã ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn liên hệ với nhau về mặt tình cảm. Trong thời gian ly thân ông bà không hoà giải để hàn gắn tình cảm.

Bà N nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau nên không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà bà N đã giao nộp cho Tòa án. Đồng thời đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà N; cũng như thông báo để ông T tham gia các phiên hòa giải nhưng ông đều vắng mặt không có lý do. Như vậy lời khai của bà N về việc gia đình mâu thuẫn, không có hạnh phúc là có cơ sở. Việc ông T không đến Tòa án để làm việc, để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm đã chứng minh ông không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

Kết quả xác minh tại khu phố H, thị trấn L ngày 12/3/2025, ông T đang sinh sống tại địa phương nhưng quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm rõ. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân Gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị N là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà Lê Thị N và ông Võ Minh T không có con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị N là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc “Ly hôn” đối với ông Võ Minh T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với ông Võ Minh T.

1.2 Về con chung: Bà Lê Thị N và ông Võ Minh T không có con chung.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003923 ngày 29-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (21/4/2025), các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Đất;
- THA huyện Long Đất;
- UBND thị trấn Long Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Công Hiếu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐẤT
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 00 phút, ngày 21 tháng 4 năm 2025.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công H

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Đ

2. Ông Nguyễn Văn H1

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 415/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn”, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị N, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Võ Minh T, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Tổ C ô C, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Ý kiến ông Nguyễn Văn H1: Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị N yêu cầu ly hôn với ông Võ Minh T, bị đơn đang cư trú tại huyện L, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Đất theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến bà Dương Thị Đ và ông Dương Công H: Nhất trí với ý kiến của ông H1.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%) ý kiến nhất trí ý kiến ông Nguyễn Văn H1.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

+ Ý kiến của ông Nguyễn Văn H1: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến của ông Nguyễn Văn H1 và ông Dương Công H: Nhất trí với ý kiến của bà Đ.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%) ý kiến nhất trí ý kiến ông Nguyễn Văn H2.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

+ Ý kiến của ông Dương Công H:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Võ Minh T sống chung với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L (Nay là huyện L) năm 2010, theo giấy chứng nhận kết hôn số 288/2011, quyền số 01/2011 ngày 01/9/2011, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà N thì trong quá trình chung sống, giữa ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi do hai bên bất đồng quan điểm sống về mọi mặt trong cuộc sống, có lối sống chung không phù hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc. Ông bà đã ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn liên hệ với nhau về mặt tình cảm. Trong thời gian ly thân ông bà không hoà giải để hàn gắn tình cảm.

Bà N nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau nên không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà bà N đã giao nộp cho Tòa án. Đồng thời đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án để

ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà N; cũng như thông báo để ông T tham gia các phiên hòa giải nhưng ông đều vắng mặt không có lý do. Như vậy lời khai của bà N về việc gia đình mâu thuẫn, không có hạnh phúc là có cơ sở. Việc ông T không đến Tòa án để làm việc, để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm đã chứng minh ông không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

Kết quả xác minh tại khu phố H, thị trấn L ngày 12/3/2025, ông T đang sinh sống tại địa phương nhưng quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm rõ. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân Gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị N là có cơ sở chấp nhận.

+ Ý kiến của bà Dương Thị Đ và ông Nguyễn Văn H1: Nhất trí với ý kiến của ông H.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%) ý kiến nhất trí ý kiến ông Dương Công H.

[3.2] Về con chung:

+ Ý kiến của ông Nguyễn Văn H1: Bà Lê Thị N và ông Võ Minh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Ý kiến của bà Dương Thị Đ và ông Dương Công H: Nhất trí với ý kiến của ông Nguyễn Văn H1.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%) ý kiến nhất trí ý kiến ông Nguyễn Văn H1.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung:

+ Ý kiến của ông Dương Công H: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Ý kiến của ông Nguyễn Văn H1 và bà Dương Thị Đ: Nhất trí với ý kiến của ông Dương Công H.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%) ý kiến nhất trí ý kiến ông Dương Công H.

[4] Về án phí sơ thẩm:

+ Ý kiến của ông Nguyễn Văn H1: Bà Lê Thị N là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến của ông Dương Công H và ông Nguyễn Văn H1: Nhất trí với ý kiến của ông Nguyễn Văn H1.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%) ý kiến nhất trí ý kiến ông Nguyễn Văn H1.

[5] Về quyền kháng cáo:

+ Ý kiến của ông Nguyễn Văn H1:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/4/2025), đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

+ Ý kiến của ông Nguyễn Văn H1 và ông Dương Công H: Nhất trí với ý kiến của ông Nguyễn Văn H1.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%) ý kiến nhất trí ý kiến ông Nguyễn Văn H1.

Sau khi thảo luận, thống nhất xong Hội đồng xét xử thống nhất 100% (3/3) quyết định về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc “Ly hôn” đối với ông Võ Minh T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với ông Võ Minh T.

1.2 Về con chung: Bà Lê Thị N và ông Võ Minh T không có con chung.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003923 ngày 29-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (21/4/2025), các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Biên bản nghị án lập xong lúc 11 giờ 20 phút ngày 21 tháng 4 năm 2025. Biên bản ghi án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Đước Nguyễn Văn Hà

Dương Công Hiếu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐẤT
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 3 năm 2025.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công H

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn H1

2. Bà Dương Thị Đ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 401/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “*Ly hôn*”, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị N, sinh năm: 1987 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

HKTT: Tổ 3, Ấp D, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: G, đường B, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. *Bị đơn*: Ông Võ Minh T, sinh năm: 1971 (*Vắng mặt*).

HKTT: Số nhà C, đường P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Chỗ ở hiện nay: Tổ G, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Ý kiến ông Nguyễn Văn H1: Bị đơn ông Võ Minh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất không có lý do.

Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233 và Điều 241 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị hoãn phiên toà.

+ Ý kiến bà Dương Thị Đ và ông Dương Công H: Nhất trí với ý kiến của ông Nguyễn Văn H1.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%) ý kiến nhất trí ý kiến ông Nguyễn Văn H1.

+ Ý kiến ông Dương Công H: Phiên toà Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được mở lại vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 08/4/2025. Địa điểm: Hội trường A trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Đất.

+ Ý kiến bà Dương Thị Đ và ông Nguyễn Văn H1: Nhất trí với ý kiến của ông Dương Công H.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%): Hội đồng xét xử nhất trí Phiên toà được mở lại vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 08/4/2025. Địa điểm: Hội trường A trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Đất.

QUYẾT ĐỊNH

1. Hoãn phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 401/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

2. Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa xét xử vụ án được ấn định như sau: Phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm sẽ được mở vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 08 tháng 4 năm 2025. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Biên bản nghị án lập xong lúc 09 giờ 30 phút ngày 20 tháng 3 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Đất;
- THA huyện Long Đất;
- UBND phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Công Hiếu

